

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+CI+VSP01	7:25	1+0+17	0+0+0		1+0+18	0+0+0	chuyen 1 P10- vsp01chuyen 3 cli-vsp01
2		P8+TTC2+BK21	7:25	15+5+1	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
3		CI0+P6+P8	7:25	8+9+0	0+0+0		10+3+9	0+0+0	chuye 1 clo- P6chuyen 7 P6- P8
4		TD5+TD2+AMD	9:25	2+3+16	0+0+0		2+1+15	0+0+0	chuye 1 td5- td2
5		BK3+P6+TGTH4	9:25	10+10+1	0+0+0		1+16+5	0+0+0	BK3 BO 9 HD
6		TD3+TD1+P6	9:25	12+4+5	0+0+0		0+14+7	0+0+0	chuyen 2 TD1- P6
7		CTC1-AMD+TGTH5	11:15	15+2	0+0+0		0+15+2	0+0+0	
8		T.UNG	11:15	15+1	0+0		15+1	0+0	
9		GIK3+GTCT+RC5	11:25	15+1+0	0+0+0		2+2+1	0+0+0	chuyen 3 GIC1- RC5
10		VSP01+PPD-P9 → 40	11:25	4+12+3	0+0+0		0+12+2	0+0+0	CHUYEN 1 PPD VSP01-10 SANG P9

huuy

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: NO 1	TO: P10 - CLI - VSP01	CREW: Hạnh - VLin - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	87.89	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THẾ CÔNG	P10	90	1	5		59	PSV	Vietnamese
3	GRICHNKOV	VSP01	57	1	5		91	KH-THAC	Russian
4	BORVINSKY	VSP01	58	1	10		94	KH-THAC	Russian
5	TRUBOCHKIN	VSP01	54	1	7		82	KH-THAC	Russian
6	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP01	61	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOANG THANH	VSP01	51-52	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	62	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	59	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	VUÔNG VĂN THÔNG	VSP01	64	1	8		70	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH TUÂN	VSP01	55	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TOÀN	VSP01	63	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	65	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	53	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	50	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY ĐỒNG	VSP01	60	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

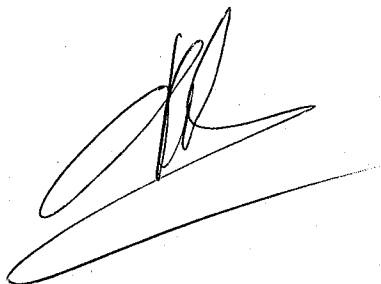
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	2	3	17	139	0	3	1	CHUYEN 01 PAX P10-VSP01 CHUYEN 03 PAX CLI- VSP01
2	CLI	0	0	0	0	6	0	3	
3	VSP01	15	16	112	1.105	0	18		
TOTAL		17	19	129	1.244	6	21		
WEIGHT KG				129	1.244	6			

GRAND TOAL: 1.379 KGS

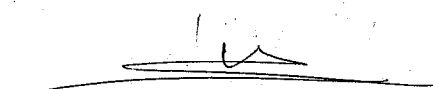
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: NO 2	TO: P8 - TTC2 - BK21	CREW: Linh - Phong - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

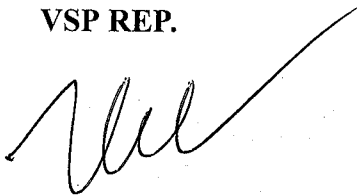
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV	P8	18	1	5		70	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN VĂN TUÔNG	P8	19-20	2	15		66	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG MINH	P8	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	17	1	5		120	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	25-26	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	27-28	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUY	P8	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	21	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN KHIÊM HIỆU	P8	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN QUÂN	P8	15-16	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DŨNG	P8	11-12	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN CAM	P8	14	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
15	PHÙNG MINH HIỆU	TTC2	14	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN TUÂN	TTC2	11	1	5	40	50	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ PHƯƠNG	TTC2	15	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN AN	TTC2	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRỌNG MINH	TTC2	12	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

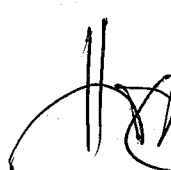
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	14	19	118	1.020	0	10		
2	TTC2	5	5	27	316	40	5		
3	BK21	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		19	24	145	1.336	40	22		
WEIGHT KG				145	1.336	40			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

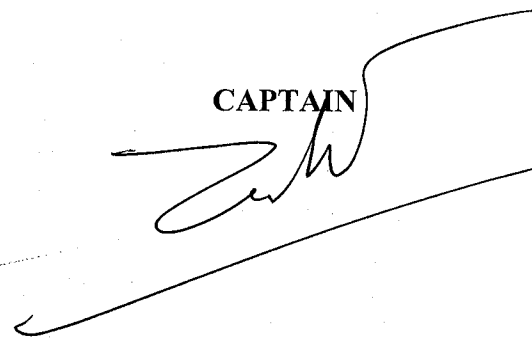
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	TO: CLO - P6 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: NO 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN KHUONG	CLO	62	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DAI THANH	CLO	61	1	6	50	65	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG QUANG HUY	CLO	63	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	KHUONG THANH DUONG	CLO	59-60	2	15		65	ANTOAN	Vietnamese
5	TRAN NGOC HUY	CLO	58	1	6		68	ANTOAN	Vietnamese
6	CHERNIAVSKIY D S	P6	46	1	8	80	112	KH-THAC	Russian
7	TRAN VINH QUANG	P6	45	1	5		71	YTE	Vietnamese
8	PIATOV S.V	P6	47	1	7		98	KH-THAC	Russian
9	HA DUY DONG	P6					92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NHAT THANH	P6	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DANG THO TAM	P6	42	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	VU VAN HOAN	P6	44	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU NHAN	P6	14-16	3	15		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	6	43	338	50	9 + 1		CHUYEN 1 PAX TU CLO SANG P6
2	P6	8	9	51	643	80	4 + 7		CHUYEN 7 PAX TU P6 SANG P8
3	P8	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		13	15	94	981	130 80	18		
WEIGHT KG				94	981	130 80			

GRAND TOAL: 1.155 KGS + 50 kg.

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: NO 4	TO: TD5 - TD2 - AMD	CREW: Hạnh - VLinH - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VUONG KIEN QUOC	TD5	29	1	10		78	DVL	Vietnamese
2	VU HOANG TAN	TD5	94-95	2	15	15	80	DVL	Vietnamese
3	DUONG QUOC VIET	TD2	05-06	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HUU TRUNG	TD2	04	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THONG	TD2	07-08	2	17		65	SCHLUMB	Vietnamese
6	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	24-25	2	18		90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THIN	AMD	31	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	26-27	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LE HONG THAI	AMD	30	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG CHI PHONG	AMD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUNG	AMD	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN TRUNG KIEN	AMD	37	1	6	10	80	KH-THAC	Vietnamese
13	LE ANH MINH	AMD	36	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN VAN THUONG	AMD	40	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO DUC HUY	AMD	34-35	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUY	AMD	41	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET LAM	AMD	32	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC DUC	AMD	23	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN QUOC VIET	AMD	28-29	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO CONG BINH	AMD	21-22	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	3	25	158	15	2 + 1		CHUYEN 1 PAX TD5 SANG TD2
2	TD2	3	5	47	205	0	1		
3	AMD	15	20	126	1.108	10	16		
TOTAL		20	28	198	1.471	25	19		
WEIGHT KG				198	1.471	25			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	TO: BK3 - P6 - TGTH4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: NO 5	FROM: VT	CREW: Linh - Phong - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

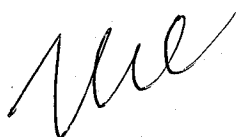
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN NIEM	BK3	93	1	5	20	70	PSV	Vietnamese
2	DO VAN TUNG	P6	24	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUY THAI	P6	22	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC QUY	P6	41	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUNG	P6	26-27	2	9	10	60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN XUAN KHANH	P6	21	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE KIM SANG	P6	23	1	13		62	GETRACO	Vietnamese
8	CHU DUC HUNG	P6	05	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LUAN	P6	02	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
10	VU MINH DUC	P6	03	1	5		62	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYEN VAN KIEN	P6	01	1	8		61	GETRACO	Vietnamese
12	LE VAN HAN	P6	09	1	7		61	GETRACO	Vietnamese
13	LE VAN TU	TGTH4	74	1	15		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH CU	TGTH4	75-76	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	1	1	5	70	20	1		
2	P6	11	12	73	728	10	15		
3	TGTH4	2	3	35	127	0	6		
TOTAL		14	16	113	925	30	22		
WEIGHT KG				113	925	30			

GRAND TOAL: 1.068 KGS

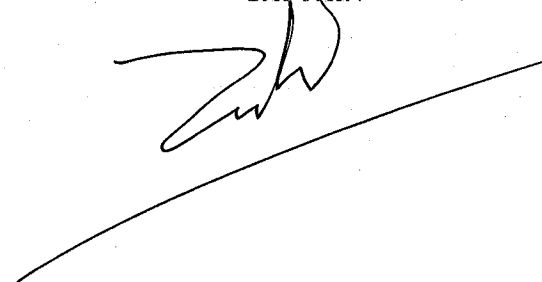
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2022	TO: TD3 - TD1 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIÊU	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH TUÂN	TD3	73	1	7		75	DVL	Vietnamese
2	PHAN THANH TÍNH	TD3	74	1	4	16	70	DVL	Vietnamese
3	LÊ VĂN THẮNG	TD3	76	1	12		75	DVL	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	TD3	69-70	2	6		62	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TUÂN KIẾT	TD3	65-66	2	15		71	NAM TIEN	Vietnamese
6	VÕ VĂN HOA	TD3	95,98	2	15		60	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HAO	TD3	64	1	8		71	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DUY	TD3	72	1	13		60	NAM TIEN	Vietnamese
9	BUI VĂN DƯA	TD3	99,700	2	13		77	NAM TIEN	Vietnamese
10	ĐỖ THANH SANG	TD3	67-68	2	12		77	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG HẢI NAM	TD3	71	1	15		62	NAM TIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC QUỐC	TD1	34-35	2	8	20	63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUYẾT	TD1	33	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH XUÂN TOÀN	TD1	233	1	13		65	T-TIN	Vietnamese
15	TÔ CÔNG TANH	TD1	31	1	3		68	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	16	120	760	16	2		CHUYỂN 1 PAX TDI SANG P6
2	TD1	4	5	27	252	20	14	f1	
3	P6	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		15	21	147	1.012	36	22		
WEIGHT KG				147	1.012	36			

GRAND TOAL: 1.195 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	TO: CTC1 - AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TTrung - Mạnh - NNam	ETA: 13:40
VANG-3			

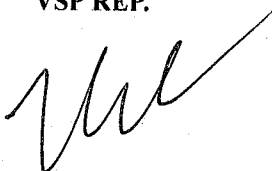
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA THAI QUOC	CTC1	89	1	13	30	69	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN TUAN ANH	CTC1	84-86	3	15		63	XAYLAP	Vietnamese
3	VUONG MAI	CTC1				22	58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	99,900	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN DUNG	AMD	97-98	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	CÔNG ĐỨC MINH TRI	AMD	05	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LE DUY LE	AMD	08	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO TRI HUNG	AMD	04	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TUAN ANH	AMD	11-12	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ĐỨC TRUNG	AMD	09-10	2	8		56	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG DINH VINH	AMD	14-15	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LA NGOC MANH	AMD	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN THUY	AMD	02-03	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN THIEN	AMD	01	1	8		65	PSV	Vietnamese
15	PHAN VAN HOA	AMD	06-07	2	5		75	PSV	Vietnamese
16	LUONG MANH HUONG	AMD	13	1	3		66	PSV	Vietnamese
17	LUU NGOC TRUNG	AMD	16-17	2	15		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH SU	AMD	18	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	TRAN ĐỨC CUONG	TGTH5	32	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	33	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	3	4	28	190	52	0		
2	AMD	15	23	139	1.035	0	15		
3	TGTH5	2	2	11	138	0	2		
TOTAL		20	29	178	1.363	52	17		
WEIGHT KG				178	1.363	52			

GRAND TOAL: 1.593 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:15
FLIGHT: NO 8	TO: T.UNG	CREW: Hoài - CHIẾN	ETA: 14:25
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	15	1	5		72	YTE	Vietnamese
2	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	16-17	2	15		84	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	13	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HÙNG TUẤN	T.UNG	05	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG MINH HIỂU	T.UNG	03	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	06	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG	44	1	4	50	67	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ TUẤN MẠNH	T.UNG	08	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY DŨ	T.UNG	07	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN QUANG HÒA	T.UNG	09	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ MINH HỘI	T.UNG	14	1	4		70	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐĂNG THANH	T.UNG	31	1	3		67	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN CÔNG	T.UNG	04	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	14	14	78	1.024	50	16		
	TOTAL	14	14	78	1.024	50	16		
	WEIGHT KG			78	1.024	50			

GRAND TOAL: 1.152 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2022	TO: PPD - VSP01 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: NO 10	FROM: VT	CREW: Linh - Phong - Toan	ETA: 13:35
TRANG-3			

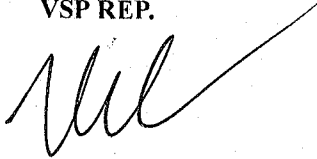
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	21	1	6		70	KHI	Vietnamese
2	NGÔ SY NONG	PPD	22-23	2	20	80	67	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN NGUYEN NGŨ	PPD	20	1	10		82	CODIEN	Vietnamese
4	ROGINSKIY DMITRY	VSP01	72	1	12		106	ANTOAN	Russian
5	DUƠNG BA HUNG	VSP01					75	PSV	Vietnamese
6	PHẠM HUY ĐAU	VSP01	67	1	4		70	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TÊ	VSP01	70	1	7		75	PSV	Vietnamese
8	BUI HUU TRƯỞNG	VSP01	68	1	6		70	PSV	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CÂN	VSP01	69	1	6		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN TRƯỞNG*	VSP01	67	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	71	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
12	KHONG QUOC HUNG*	P9	24-25	2	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	3	4	36	219	80	2 ⁺	1	CHUYEN 1 PAX PPD SANG VSP01
2	VSP01	8	7	52	605	0	6		
3	P9	1	2	10	65	0	1 ⁺	10	CHUYEN 10 PAX PPD SANG P9
TOTAL		12	13	98	889	80	9		
WEIGHT KG				98	889	80			

GRAND TOAL: 1.067 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

